

Bản án số: 06/2022/HS-ST

Ngày: 23 - 02 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Văn Đê;

Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân—Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Long— Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 02 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T1, sinh năm 1982; Nơi sinh, nơi cư trú: xóm 14, xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Ngọc T, sinh năm 1952 và bà Trần Thị H, sinh năm 1952 (đã chết); Có vợ là Vũ Thị H, sinh năm 1982, và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/11/2021 đến ngày 03/12/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. “Có mặt”.

2. Trần Đức A, sinh năm 1989; Nơi sinh, nơi cư trú: xóm 19, xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn K, sinh năm 1956 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1955; Có vợ là Đỗ Thị H, sinh năm 1996, đã ly hôn và 01 con sinh năm 2020; Tiền án,

tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/11/2021 đến ngày 03/12/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. “Có mặt”.

3. Đỗ Văn T, sinh năm 1981; tại xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Xóm Nguyễn Hoàng, xã H.T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Ngọc D, sinh năm 1940 và bà Vũ Thị N, sinh năm 1941; Có vợ là Đỗ Thị N, sinh năm 1987 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/11/2021 đến ngày 03/12/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. “Có mặt”.

4. Trần Văn T2, sinh năm 1989; Nơi sinh, nơi cư trú: xóm 14, xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân T, sinh năm 1966 và bà Phạm Thị Q, sinh năm 1968; Có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1991 và 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/11/2021 đến ngày 03/12/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. “Có mặt”.

5. Đỗ Văn T, sinh năm 1966; Nơi sinh, nơi cư trú: xóm 14, xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Quang T, sinh năm 1937 (đã chết) và bà Phạm Thị L, sinh năm 1932; Có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 và 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 01/4/2009 bị Công an huyện Hải Hậu ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc” số tiền 500.000 đồng.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/11/2021 đến ngày 03/12/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. “Có mặt”.

6. Bùi Văn B, sinh năm 1979; Nơi sinh, nơi cư trú: xóm 13, xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn C, sinh năm 1957 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1957; Có vợ là Đỗ Thị L, sinh năm 1981 và 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/11/2021 đến ngày 03/12/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. “Có mặt”.

- Người làm chứng:

1. *Người làm chứng:*

- Ông Trần Văn T, “vắng mặt”;
- Cháu Mai Quốc T “vắng mặt”; Người đại diện hợp pháp: ông Mai Văn N “vắng mặt”.

Cháu Đỗ Việt H “vắng mặt”; Người đại diện hợp pháp: ông Đỗ Văn Dũng “vắng mặt”.

2. *Người chứng kiến*: Anh Nguyễn Trần T, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 24/11/2021, Trần Văn T1, Trần Đức A, Đỗ Văn T, Trần Văn T2 và Bùi Văn B đi ăn mừng tân gia tại nhà anh Phạm Văn Vương ở xóm 13, xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu. Trong lúc ăn uống có người rủ đánh bạc ăn tiền, nhưng do uống nhiều rượu, đông người và không ngồi cùng mâm với nhau nên các đối tượng không nhớ ai là người rủ. Khoảng 13 giờ cùng ngày, sau khi ăn xong T1, Anh, T, Trần Văn T2 và Biên đi bộ sang nhà ông Trần Văn T, sinh năm 1966, ở xóm 14, xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu (đối diện nhà anh Vương) để đánh bạc. Khi đến nhà ông Tứ không có ai ở nhà nên cả nhóm đi xuống gian nhà ăn thì thấy cháu Mai Quốc T, sinh ngày 03/03/2013, ở xóm 17, xã Hải Hưng và cháu Đỗ Việt H, sinh ngày 13/12/2006, ở xóm 14, xã Hải Hưng đang ngồi chơi tú lơ khơ dưới nền nhà. Trần Văn T2 đi đến nói “ra ngoài cho các chú nhờ tý” thì cháu Trường và cháu Hùng đi ra ngoài, để lại bộ bài 52 quân. Sau đó T1, A, T, Trần Văn T2 và Biên cùng ngồi xuống tám thăm đã được trải sẵn trên nền nhà để đánh bạc dưới hình thức đánh “liêng” ăn tiền, với cách chơi như sau: mỗi người chơi góp 50.000đ vào giữa chiếu bạc gọi là góp “gà”. Người được chọn khi bắt đầu đánh hoặc người thắng lượt chơi trước sẽ chia bài theo chiều ngược chiều kim đồng hồ, mỗi người được chia 3 quân, sau khi chia và lên bài xong người chia bài sẽ là người được quyền “tố” có nghĩa là đưa ra số tiền lớn hơn hoặc bằng số tiền mọi người đã góp vào “gà” trước đó, hoặc úp bỏ bài đầu tiên, mức “tố” theo 50.000đ đến 200.000đ, sau đó thứ tự chơi của mọi người sẽ theo vòng ngược chiều kim đồng hồ, người thứ hai đến lượt chơi sẽ có quyền bỏ bài, theo số tiền mà người chơi đầu tiên “tố” hoặc “tố” với số tiền cao hơn mà người chơi trước đưa ra, cứ lần lượt như vậy đến người cuối cùng. Lượt chơi sẽ kết thúc khi không có ai “tố” thêm, nếu còn ít nhất hai người chơi theo vòng “tố” thì tất cả người chơi sẽ hạ bài xuống để so điểm, bài ai cao điểm nhất sẽ thắng, cao nhất là “sáp” tức là ba cây bài giống nhau, sau đó đến “liêng” tức ba cây bài có thứ tự liền nhau liên tục, đến “ảnh” tức là có 3 cây bài đều là hình J, Q, K, cuối cùng là tính điểm cộng lại của 3 cây bài, cao nhất là 9 điểm, thấp nhất là 1 điểm. Nếu cuối cùng chỉ còn lại 1 người “tố” mà không ai theo thì người đó thắng và

bài sẽ được giữ kín mà không phải so bài với ai, người thắng sẽ hưởng toàn bộ số tiền góp gà lúc đầu và tiền của những người tham gia tổ. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Đỗ Văn T đến nhà ông Tứ thấy T1, A, T, Trần Văn T2 và Biên đang đánh bạc nên vào tham gia chơi. Khi tham gia đánh bạc Trần Văn T2 có 2.200.000đồng, Đỗ Văn T có 2.050.000 đồng, Đỗ Văn T có 2.000.000đồng, Trần Đức A có 1.500.000đồng, Trần Văn T1 có 1.300.000 đồng và Bùi Văn B có 1.000.000đồng để dưới chiếu bạc. Đến 16 giờ cùng ngày, khi T1, A, T, Trần Văn T2, Biên và Đỗ Văn T đang sát phạt nhau thì bị tổ công tác của Công an huyện Hải Hậu phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền 10.050.000 đồng và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Quá trình điều tra, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của Trần Văn T1 số tiền 3.700.000đ; Trần Đức A 01 điện thoại Oppo và số tiền 1.500.000đ; Đỗ Văn T 01 điện thoại Iphone 6 Plus và số tiền 5.000.000đ; Trần Văn T2 01 điện thoại Nokia và số tiền 2.100.000đ; Bùi Văn B 01 điện thoại Samsung và số tiền 3.000.000 đồng; Đỗ Văn T 01 điện thoại Vivo V026. Xét các tài sản trên không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại cho các bị cáo quản lý, sử dụng.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, khai nhận số tiền của bản thân dùng để đánh bạc như sau: Trần Văn T2 có 4.300.000đồng, dùng 2.200.000đồng để đánh bạc, khi bị bắt đã thắng 1.000.000 đồng, bị thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền 3.200.000 đồng; Đỗ Văn T có 7.000.000đồng, sử dụng 2.000.000đồng để đánh bạc, khi bị bắt T để hết số tiền đánh bạc ở trên chiếu, không rõ thắng thua; Trần Đức A có 3.000.000đồng, dùng 1.500.000đồng để đánh bạc, khi bị bắt A để hết số tiền đánh bạc ở trên chiếu, không rõ thắng thua; Trần Văn T1 có 5.000.000đồng, dùng 1.300.000đồng để đánh bạc, khi bị bắt T1 để hết số tiền đánh bạc ở trên chiếu, không rõ thắng thua; Bùi Văn B có 4.000.000đồng, dùng 1.000.000đồng để đánh bạc, thời điểm bị bắt Biên thua hết số tiền dùng để đánh bạc; Đỗ Văn T có 2.050.000đồng, dùng toàn bộ số tiền này để đánh bạc, thời điểm bị bắt thua 1.000.000đồng, số tiền bị thu trên chiếu bạc là 1.050.000đồng.

Cáo trạng số 08/CT-VKSHH, ngày 27/01/2022 của VKSND huyện Hải Hậu truy tố các bị cáo: Trần Văn T1, Trần Đức A, Đỗ Văn T, Trần Văn T2, Đỗ Văn T, Bùi Văn B, về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo: Trần Văn T1, Trần Đức A, Đỗ Văn T, Trần Văn T2, Đỗ Văn T, Bùi Văn B phạm tội “Đánh bạc”;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn T1, Trần Đức A; Đỗ Văn T. Riêng hai bị cáo T1 và Đức A áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử phạt các bị cáo Trần Văn T1; Trần Đức A, Đỗ Văn T mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn T2, Đỗ Văn T, Bùi Văn B; Riêng bị cáo T và bị cáo Tiến áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị khấu trừ 9 (chín) ngày bị cáo bị tạm giữ trước đó.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Trần Văn T1, Trần Đức A, Đỗ Văn T Trần Văn T2, Đỗ Văn T, Bùi Văn B và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Trần Văn T2, Đỗ Văn T, Bùi Văn B.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng của vụ án đã thu giữ trong quá trình điều tra.

Phản tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên, các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều không có khiếu nại gì. Như vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo: Trần Văn T2, Đỗ Văn T, Trần Đức A, Trần Văn T1, Bùi Văn B, Đỗ Văn T tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng 13 giờ ngày 24/11/2021 đến 16 giờ cùng ngày, tại nhà ông Trần Văn T ở xóm 14, xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, các bị cáo: Trần Văn T2, Đỗ Văn T, Trần Đức A, Trần Văn T1, Bùi Văn B, Đỗ Văn T đã có hành vi đánh bạc ăn tiền bằng bài tú lơ khơ theo hình thức chơi “đánh Liêng” với tổng số tiền dùng đánh bạc là 10.050.000đ (Mười

triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu truy tố các bị cáo theo tội danh, điều luật như trên là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, với cách thức đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền, không những ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế của bản thân và gia đình các bị cáo, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, từ việc được, thua bạc cũng là nguyên nhân gây ra nhiều tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo trong vụ án đều là những lao động thuần túy nhưng lại không chăm chỉ làm việc, mong muốn giàu có trong chốc lát bằng việc tham gia sát phạt nhau nhằm kiếm lời, do đó, cần xử lý nghiêm, nhằm trừng trị, giáo dục các Bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Đây là vụ án có nhiều đối tượng tham gia nhưng không có sự chuẩn bị phân công vai trò, trách nhiệm cụ thể, nên xác định là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đều tham gia đánh bạc nên có vị trí, vai trò ngang nhau.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo T có nhân thân xấu vì đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo: Các bị cáo lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi; nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đỗ Văn T có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, Huy chương chiến thắng hạng Nhì và mẹ đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, bị cáo Trần Văn T1 có bố đẻ là bệnh binh và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất, Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, bị cáo Trần Văn T2, Trần Đức A hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo nên các bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Sau khi xem xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vị trí, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong vụ án này, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; trong quá trình điều tra được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu cho tại ngoại, đến nay các bị cáo đều chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước và quy định của địa

phương, không có biểu hiện vi phạm pháp luật, đã thực sự hối cải, có khả năng tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Xét các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, vì vậy không cần thiết cách ly các bị cáo trên ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại nơi cư trú, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay; đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và phù hợp với quy định tại Điều 65; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Các bị cáo trong vụ án đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định; xét không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo T1, Biên, Đỗ Văn T là phù hợp.

[9] Xử lý vật chứng: Số tiền 10.050.000 đồng cơ quan Công an thu giữ tại chiếu bạc được các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân là phương tiện phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với số tiền 3.700.000đ thu giữ của Trần Văn T1; số tiền 1.500.000đ thu giữ của Trần Đức A; số tiền 5.000.000đ thu giữ của Đỗ Văn T; số tiền 3.000.000đ thu giữ của Bùi Văn B; số tiền 2.100.000đ thu giữ của Trần Văn T2 không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo. Đối với: 01 điện thoại Iphone 6 Plus thu của Đỗ Văn T; 01 điện thoại Oppo thu giữ của Trần Văn T1; 01 điện thoại Nokia thu giữ của Trần Văn T2; 01 điện thoại Samsung thu giữ của Bùi Văn B; 01 điện thoại Vivo V026 thu giữ của Đỗ Văn T không liên quan đến việc phạm tội nên nên cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo là phù hợp.

[10] Đối với ông Trần Văn T là chủ nhà nơi các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc, ông Tứ không biết việc các bị cáo đánh bạc cũng không hưởng lợi gì từ việc các bị cáo đánh bạc nên cơ quan điều tra không xử lý đối với ông Tứ là phù hợp. Đối với cháu Mai Quốc T và cháu Đỗ Việt H biết các bị cáo đánh bạc nhưng không tham gia, không ngồi xem, không hưởng lợi gì và các cháu chưa thành niên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[11] Án phí: Các bị cáo: Trần Văn T2, Đỗ Văn T, Trần Đức A, Trần Văn T1, Bùi Văn B, Đỗ Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn T1, Trần Đức A; Đỗ Văn T. Riêng bị cáo T1 và Đức A áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt các bị cáo Trần Văn T1; Trần Đức A, Đỗ Văn T mỗi bị cáo 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng (Các bị cáo đều bị tạm giữ từ ngày 24- 11-2021 đến ngày 03-12-2021).

Giao các bị cáo Trần Văn T1, Trần Đức A cho Ủy ban nhân dân xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách;

Giao bị cáo Đỗ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã H.T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách;

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn T2, Đỗ Văn T, Bùi Văn B; Bị cáo T và bị cáo Tiến áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 18 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24-11-2021 đến ngày 03-12-2021 là 09 ngày x 3 (ba) = 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải thi hành 17 tháng 3 ngày; thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt các bị cáo Trần Văn T2; Bùi Văn B mỗi bị cáo 15 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 24-11-2021 đến ngày 03-12-2021 là 09 ngày x 3 (ba) = 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải thi hành 14 tháng 3 ngày cải tạo không giam giữ; thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Trần Văn T2, Đỗ Văn T, Bùi Văn B cho Ủy ban nhân dân xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ;

3. Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Trần Văn T1, Trần Đức A, Đỗ Văn T, Trần Văn T2, Đỗ Văn T, Bùi Văn B và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Trần Văn T2, Đỗ Văn T, Bùi Văn B.

* Căn cứ điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú sau của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu:

- Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 01/LCĐKNCC – TA, ngày 28-01-2022 đối với Trần Văn T2;

- Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 02/LCĐKNCC – TA, ngày 28-01-2022 đối với Đỗ Văn T;

- Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 03/LCĐKNCC – TA, ngày 28-01-2022 đối với Trần Đức A;

- Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 04/LCĐKNCC – TA, ngày 28-01-2022 đối với Trần Văn T1;

- Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 05/LCĐKNCC – TA, ngày 28-01-2022 đối với Bùi Văn B;

- Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 06/LCĐKNCC – TA, ngày 28-01-2022 đối với Đỗ Văn T.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân;

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 10.050.000đ (Mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng);

Trả lại bị cáo Trần Văn T2 số tiền 2.100.000đồng.

Trả lại bị cáo Đỗ Văn T số tiền 5.000.000đồng.

Trả lại bị cáo Trần Đức A số tiền 1.500.000đồng.

Trả lại bị cáo Trần Văn T1 số tiền 3.700.000đồng.

Trả lại bị cáo Bùi Văn B số tiền 3.000.000đồng.

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao vật chứng, tài sản và biên lai thu tiền số 0003719 cùng ngày 21/02/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hậu và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu).

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Các bị cáo: Trần Văn T2, Đỗ Văn T, Trần Đức A, Trần Văn T1, Bùi Văn B, Đỗ Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo: Trần Văn T2, Đỗ Văn T, Trần Đức A, Trần Văn T1, Bùi Văn B, Đỗ Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- UBND xã H.H;
- UBND xã H.T;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn thư.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng